|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT CHUYÊN  BẮC NINH  **TỔ ĐỊA LÍ**  ***(Đề thi có 02 trang)*** | **ĐỀ THI CHỌN HSG KHU VỰC DH&ĐB BẮC BỘ**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN THI: ĐỊA LÍ 10**  Thời gian làm bài: 180 phút  *Ngày thi 15/07/2023* |

**Câu I: (*4,00 điểm*).**

***1.*** Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời ảnh hưởng như thế nào đến phạm vi hiện tượng ngày địa cực, đêm địa cực? Tại sao vào mùa hạ các vĩ độ cao thường có thời gian ngày dài hơn đêm?

***2.*** Dựa vào kiến thức đã học, hãy:

a.Phân tích tác động của địa hình đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất.

b. Tại sao ở khu vực đới ôn hòa, đất được phân hóa thành nhiều kiểu khác nhau?

**Câu II: (*4, 00 điểm*)**

***1.*** Phân tích sự thay đổi của môi trường tự nhiên khi thảm thực vật rừng bị tàn phá và cho biết đây là biểu hiện của quy luật địa lí nào? Tại sao?

***2.*** Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa và chế độ nước sông. Tại sao tốc độ dòng chảy của các con sông trên Trái Đất có sự khác nhau?

**Câu III: (*4,00 điểm*)**

***1.*** Trình bày và giải thích hoạt động của gió biển, gió đất và gió phơn.

***2.*** a. Dựa vào bảng số liệu: **BIÊN ĐỘ NHIỆT NĂM PHÂN THEO VĨ ĐỘ Ở HAI BÁN CẦU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **80** | **70** | **60** | **50** | **40** | **30** | **20** | **0** |
| Bắc Bán Cầu | 31 | 32,2 | 29 | 23,8 | 17,7 | 13,3 | 7,4 | 1,8 |
| Nam Bán Cầu | 28,7 | 19,5 | 11,8 | 4,3 | 4,9 | 7,4 | 5,9 | 1,8 |

Hãy nhận xét về biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ.

b. Nguyên nhân nào làm cho sức tàn phá của thiên nhiên đối với con người ngày càng lớn? Biện pháp giảm thiểu sức tàn phá của thiên nhiên?

**Câu IV. (*4,00 điểm*)**

**1.** Phân biệt cơ cấu dân số theo lao động giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển. Tại sao tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế so với tổng số dân ngày càng có xu hướng tăng lên?

**2.** So sánh sự khác nhau về xu hướng chuyển cư ở đô thị các nước phát triển với các nước đang phát triển. Giải thích cho sự khác nhau đó.

**Câu V. (*5,00 điểm*)**

**1.** Phân tích mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài. Giải thích tại sao tiến bộ khoa học kĩ thuật là nguồn lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

**2.** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG VÀ SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU MỘT SỐ CÂY LƯƠNG THỤCW CỦA THẾ GIỚI NĂM 2015 VÀ NĂM 2020

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | | **2020** | |
| **Sản lượng** | **Sản lượng xuất khẩu** | **Sản lượng** | **Sản lượng xuất khẩu** |
| Lúa mì | 570 | 109 | 761 | 194 |
| Lúa gạo | 597 | 27,5 | 755 | 78 |
| Ngô | 696 | 83 | 1100 | 163 |

(Nguồn: https://www.worldatlas.com)

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích về sản lượng và sản lượng xuất khẩu một số cây lương thực của thế giới năm 2005 và năm 2020.

**-------------- HẾT --------------**

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).*

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:…………………….

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẮC NINH  **TỔ ĐỊA LÍ**  ***(HDC có 05 trang)*** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ THI CHỌN HSG DH&ĐBBB NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN THI: ĐỊA LÍ 10**  Thời gian làm bài: 180 phút  *Ngày thi 15/07/2023* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** |  |  |
| **I** | **1** | ***Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời ảnh hưởng như thế nào đến phạm vi hiện tượng ngày địa cực, đêm địa cực. Tại sao vào mùa hạ các vĩ độ cao thường có thời gian ngày dài hơn đêm?*** | ***2,00*** |
|  |  | *\* Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời ảnh hưởng như thế nào đến phạm vi hiện tượng ngày địa cực, đêm địa cực* | *1,50* |
|  |  | K/n chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời:...  Khi Mặt Trời chuyển động biểu kiến trong khu vực nội chí tuyến thì phạm vi hiện tượng ngày địa cực, đêm địa cực ở hai bán cầu có sự thay đổi tương ứng  - Khi Mặt Trời chuyển động biểu kiến từ xích đạo (00) lên chí tuyến Bắc (23027’B) thì phạm vi hiện tượng ngày địa cực ở bán cầu Bắc và đêm địa cực ở bán cầu Nam mở rộng về phía xích đạo và tối đa là mở rộng đến vòng cực (66033’) vào ngày 22/6.  - Khi Mặt Trời chuyển động biểu kiến từ chí tuyến Bắc về xích đạo thì phạm vi hiện tượng ngày địa cực ở bán cầu Bắc và đêm địa cực ở bán cầu Nam thu hẹp về phía cực, phạm vi thu hẹp nhỏ nhất vào ngày 23/9.  - Khi Mặt Trời chuyển động biểu kiến từ xích đạo xuống chí tuyến Nam thì hiện tượng đêm địa cực ở bán cầu Bắc và ngày địa cực ở bán cầu Nam mở rộng về phía xích đạo và phạm vi tối đa là đến vòng cực vào ngày 22/12  - Khi Mặt Trời chuyển động biểu kiến từ chí tuyến Nam lên xích đạo thì hiện tượng đêm địa cực ở bán cầu Bắc và ngày địa cực ở bán cầu Nam thu hẹp về phía cực, phạm vi thu hẹp nhỏ nhất vào ngày 21/3. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  |  | *\* Tại sao vào mùa hạ các vĩ độ cao thường có thời gian ngày dài hơn đêm?* | *0,50* |
|  |  | - Do TĐ có dạng hình cầu, trong khi chuyển động tịnh tiến xquanh M.Trời trục TĐ luôn nghiêng và không đổi phương 1 góc 66033’ so với mặt phẳng quỹ đạo, vì vậy làm cho góc chiếu sáng và diện tích chiếu sáng thay đổi giữa các mùa trong năm. (đường phân chia sáng - tối thường xuyên thay đổi)  - Về mùa hạ, càng về vĩ độ cao, đường phân chia sáng - tối và trục Trái Đất càng xa nhau, diện tích phần được chiếu sáng càng lớn hơn phần khuất trong bóng tối, nên có thời gian ngày dài hơn đêm (từ vòng cực về cực - từ vĩ độ 66033’ về vĩ độ 900, thời gian ngày kéodài tới 24h, thời gian đêm = 0 giờ) | 0,25  0,25 |
|  | **2** | ***a. Phân tích tác động của địa hình đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất.*** | ***1,00*** |
|  |  | - Địa hình: ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát triển và phân bố của sinh vật thông qua sự thay đổi nhiệt, ẩm theo độ cao, hướng sườn, độ dốc.  + Độ cao: nhiệt độ, độ ẩm không khí thay đổi theo độ cao địa hình, dẫn đến hình thành các vành đai sinh vật khác nhau.  + Hướng sườn: các hướng sườn khác nhau thường nhận được lượng nhiệt, ẩm và chế độ chiếu sáng khác nhau do đó ảnh hưởng đến độ cao bắt đầu và kết thúc của vành đai sinh vật.  + Độ dốc: Độ dốc ảnh hưởng đến độ ẩm trong đất và độ phì cũng như độ dày lớp phủ thổ nhưỡng; từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển của sinh vật. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  |  | ***b. Tại sao ở khu vực đới ôn hòa, đất được phân hóa thành nhiều kiểu khác nhau?*** | **1,00** |
|  |  | - Sự hình thành đất chịu tác động của nhiều nhân tố (...).  - Khu vực đới ôn hòa:  + Diện tích lục địa rộng, phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau (ôn đới lục địa - lạnh, ôn đới hải dương, ôn đới lục địa - nửa khô hạn, cận nhiệt gió mùa, cận nhiệt ĐTH, cận nhiệt lục địa): có đặc điểm nhiệt và ẩm khác nhau.  + Sinh vật khác nhau (DG)  + Hoạt động sản xuất của con người khác nhau...  => Tác động và dẫn tới sự phân hóa thành nhiều kiểu đất khác nhau: pôtdôn, nâu và xám, đen, đỏ vàng, đỏ nâu, xám.  - Mối quan hệ của các nhân tố ở các khu vực khác nhau và có sự phân hóa. | 0,25  0,50  0,25 |
| **II** | **1** | ***Phân tích sự thay đổi của môi trường tự nhiên khi thảm thực vật rừng bị tàn phá và cho biết đây là biểu hiện của quy luật địa lí nào? Tại sao?*** | ***2,00*** |
|  |  | - Khi thảm thực vật rừng bị tàn phá sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần tự nhiên:  + Khí hậu biến đổi theo hướng cực đoan, thất thường hơn, có nhiều thiên tai hơn (d/c).  + Địa hình biến đổi nhanh chóng hơn bởi các quá trình ngoại lực (d/c).  + Đất đai xói mòn, rửa trôi trở nên cằn cỗi, hoang mạc hóa...  + Dòng chảy sông ngòi không ổn định, lũ lụt xảy ra thường xuyên hơn...  + Sinh vật bị suy giảm, một số loài có thể đứng trước nguy cơ tuyệt chủng (d/c).  - Đây là biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.  - Nguyên nhân là do:  + Tất cả các thành phần của lớp vỏ địa lí đều đồng thời chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của ngoại lực và nội lực. Vì thế chúng không tồn tại và phát triển một cách cô lập, các thành phần này luôn xâm nhập vào nhau, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau, khiến chúng có sự gắn bó mật thiết để tạo nên một thể thống nhất và hoàn chỉnh.  + Trong tự nhiên, bất cứ một lãnh thổ nào cũng gồm nhiều thành phần có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Nếu một thành phần tự nhiên thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại và toàn bộ lãnh thổ. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2** | ***Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa và chế độ nước sông. Tại sao tốc độ dòng chảy của các con sông trên Trái Đất có sự khác nhau?*** | ***2,00*** |
|  |  | *\* Phân tích mối quan hệ giữa chế độ mưa và chế độ nước sông:*  - Khái quát: chế độ mưa và chế độ nước sông có mối quan hệ qua lại phụ thuộc lẫn nhau.  - Chế độ mưa quyết định chế độ nước sông:  + Ở miền khí hậu nóng hoặc những nơi địa hình thấp của khu vực khí hậu ôn đới, nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông ngòi là nước mưa nên chế độ nước sông ở từng nơi phụ thuộc vào chế độ mưa.  + Tổng lượng mưa ảnh hưởng đến lưu lượng nước của sông ngòi: sông ở vùng xích đạo có lưu lượng nước lớn, ở vùng chí tuyến, hoang mạc lưu lượng nước ít…  + Sự phân hóa mưa trong năm ảnh hưởng đến chế độ nước sông: xích đạo mưa quanh năm nên sông ngòi nhiều nước quanh năm; vùng nhiệt đới, ôn đới mưa theo mùa, chế độ nước sông theo sát chế độ mưa, mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô...  - Chế độ nước sông ảnh hưởng nhất định tới chế độ mưa*:* nước sông cung cấp hơi nước cho quá trình bốc hơi tại chỗ, hình thành mây, gây mưa, đây là nguyên nhân chính gây mưa cho các vùng nằm sâu trong nội địa không có gió biển thổi vào.  *\* Giải thích tốc độ dòng chảy của các con sông trên Trái Đất có sự khác nhau:*  - Tốc độ dòng chảy của các con sông chịu tác động của các nhân tố khác nhau như độ dốc lòng sông, chiều rộng lòng sông...  - Mỗi nhân tố này lại khác nhau ở các con sông trên Trái Đất:  + Độ dốc lòng sông: nước sông chảy nhanh hay chảy chậm phụ thuộc vào độ dốc lòng sông; độ dốc lòng sông càng lớn thì tốc độ dòng chảy càng mạnh và ngược lại (d/c).  + Chiều rộng lòng sông: nước sông chảy nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào chiều rộng lòng sông; ở khúc sông rộng, nước sông thường chảy chậm; ở khúc sông hẹp nước sông thường chảy nhanh hơn. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***III*** | **1** | ***Trình bày và giải thích hoạt động của gió biển, gió đất và gió phơn.*** | ***2,00*** |
|  | - Gió biển: Ban ngày ở lục địa, ven bờ trên đất liền, mặt đất hấp thụ nhiệt nhanh, nóng hơn mặt nước ven biển nên tại ven bờ trên đất liền hình thành áp thấp, ở ven bờ trên mặt biển mát hơn, hình thành áp cao. Gió thổi từ áp cao (ven biển) vào tới áp thấp (ven đất liền), gọi là gió biển.  - Gió đất: Ban đêm, đất liền tỏa nhiệt nhanh, mát hơn nên hình thành áp cao ở vùng đất liền; còn ở vùng nước ven bờ tỏa nhiệt chậm hơn, nên nhiệt độ cao hơn đất liền, hình thành áp thấp. Gió thổi từ áp cao (đất liền) tới áp thấp (ven biển), nên gọi là gió đất  - Gió phơn:  + Khi gió mát và ẩm thổi tới sườn một dãy núi, bị chặn lại và đẩy lên cao. Quá trình khối không khí lên cao, nhiệt độ không khí giảm theo tiêu chuẩn của không khí ẩm, TB cứ lên cao 100m, giảm 0,60c. Vì nhiệt độ hạ, nên hơi nước ngưng tụ, mây hình thành và mưa rơi bên sườn đón gió.  + Sau khi lên đỉnh núi và vượt sang sườn bên kia, hơi nước trong khối không khí đã giảm nhiều, T0 lại tăng theo tiêu chuẩn của không khí khô khi xuống núi, TB cứ xuống 100m T0 lại tăng thêm 10c nên gió trở nên rất khô và nóng, gọi là gió phơn | 0,50  0,50  0,25  0,25 |
| ***2.a*** | ***Nhận xét sự thay đổi biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ.*** | ***1,00*** |
|  | - Biên độ nhiệt năm của không khí ở cả 2 bán cầu đều có sự thay đổi theo hướng tăng dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (D/C)  - Ở mỗi bán cầu, biên độ nhiệt năm có sự thay đổi không đều từ Xích đạo đến 2 cực (D/C)  - Trong cùng 1 vĩ độ: ở BBC luôn có biên độ nhiệt độ năm lớn hơn NBC (D/C) | 0,25  0,50  0,25 |
| ***2.b*** | ***Nguyên nhân nào làm cho sức tàn phá của thiên nhiên đối với con người ngày càng lớn? Biện pháp giảm thiểu sức tàn phá của thiên nhiên?*** | ***1,00*** |
|  | - Nguyên nhân:   * Do con người sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch, thải vào khí quyển quá nhiều khí thải như CO2, NO2… gây lên hiệu ứng nhà kính. * Do tình trạng chặt phá rừng, săn bắn các loài động vật hoang dã, cháy rừng...làm biến đổi khí hậu, gia tăng các thiên tai như sạt lở đất, lũ quét...   - Biện pháp:   * Cần sử dụng nhiên liệu hóa thạch hợp lí để giảm nồng độ các khí gây hiệu ứng nhà kính. Đẩy mạnh sử dụng nguồn năng lượng sạch: gió, mặt trời, sinh học… * Bảo vệ rừng, tích cực trồng rừng; sử dụng phân bón hữu cơ trong nông nghiệp. * Các nước cần thực hiện những cam kết từ hội nghị chống biến đổi khí hậu.   *- Lưu ý:* *Nếu chưa đạt điểm tối đa của ý này, thí sinh nêu được biểu hiện về sức tàn phá của thiên nhiên đối với con người ngày càng tăng (sự gia tăng các thiên tai: bão, lụt, hạn hán, sóng thần, nhiệt độ Trái Đất nóng lên, biến đổi bất thường về thời tiết khí hậu…) thì được cộng thêm 0,25 điểm* | 0,50  0,50 |
| **IV** | **1** | ***Phân biệt cơ cấu dân số theo lao động giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển. Tại sao tỉ lệ dân số hoạt động kinh tế so với tổng số dân ngày càng có xu hướng tăng lên?*** | ***2,00*** |
|  |  | \* Phân biệt:  - Nguồn lao động:  + PT: Thiếu hụt lao động, lao động nhiều kinh nghiệm.  + ĐPT: Dồi dào, bổ sung lớn, lao động trẻ, kinh nghiệm sản xuất N-L-N,…  - Dân số hoạt động theo khu vực KT:  + PT: lao động chiếm tỉ trọng cao trong khu vực 2 và 3, thấp trong khu vực 1.  + ĐPT: lao động chiếm tỉ trọng cao trong khu vực 1, khu vực 2 và 3 thấp.  \* Giải thích:  - Dân số hoạt động kinh tế gồm: dân số hoạt động kinh tế thường xuyên và dân không thường xuyên.  - Ngày càng tăng do:  + Cơ cấu dân số theo tuổi ngày càng già.  + Kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.  + Khả năng tạo việc làm cho người trong độ tuổi lao động ngày càng tốt. | 0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2** | ***So sánh sự khác nhau về xu hướng chuyển cư ở đô thị các nước phát triển với các nước đang phát triển. Giải thích cho sự khác nhau đó.*** | ***1,00*** |
|  |  | - PT: từ nội đô ra ngoại ô, các đô thị vệ tinh hoặc vùng nông thôn. Do kinh tế phát triển, không có sự khác biệt lớn về chất lượng cuộc sống, CSHT,…trong khi chi phí rẻ hơn, môi trường sống tốt hơn, không gian rộng rãi hơn.  - ĐPT: ồ ạt từ vùng nông thôn vào các đô thị. Do các đô thị kinh tế phát triển, nhất là CN và DV nên có sự chênh lệch lớn về chất lượng cuộc sống, cơ hội việc làm, thu nhập. | 0,5  0,5 |
| **V** | **1** | ***Phân tích mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong với nguồn lực bên ngoài. Giải thích tại sao tiến bộ khoa học kĩ thuật là nguồn lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp và công nghiệp.*** | ***3,00*** |
|  |  | \* Mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ, hợp tác, bổ sung cho nhau trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau.  - Nguồn lực bên trong là cơ sở, tiền đề để thu hút nguồn lực bên ngoài (diễn giải).  - Nguồn lực bên ngoài tạo điều kiện để khai thác tốt hơn các nguồn lực bên trong (diễn giải).  \* Giải thích:  - Trong nông nghiệp:  + Tiến bộ khoa học kĩ thuật áp dụng trong nông nghiệp thể hiện tập trung ở các biện pháp cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa, điện khí hóa, thực hiện cuộc cách mạng xanh và áp dụng công nghệ sinh học.  + Tiến bộ khoa học kĩ thuật có vai trò:  ./ Hạn chế được những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, chủ động hơn trong hoạt động nông nghiệp.  ./ Nâng cao năng suất và sản lượng nông sản.  ./ Góp phần tập trung sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn.  - Trong công nghiệp:  + Tiến bộ khoa học kĩ thuật trong công nghiệp thể hiện thông qua áp dụng các công nghệ hiện đại và sử dụng nguồn năng lượng mới, nguyên liệu mới.  + Tiến bộ khoa học kĩ thuật có vai trò:  ./ Khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp, tăng năng suất, hạn chế ô nhiễm môi trường.  ./ Thay đổi quy luật phân bố lãnh thổ công nghiệp. | 0,25  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2** | ***Dựa vào bảng số liệu sau, hãy nhận xét và giải thích tình hình phát triển ngành thủy sản của thế giới trong giai đoạn trên.*** | ***2,00*** |
|  |  | \* Nhận xét:  - Tổng sản lượng và sản lượng NT tăng liên tục, sản lượng KT biến động  - Tốc độ tăng trưởng: NT tăng nhanh hơn KT  - Cơ cấu: KT tỉ trọng lớn hơn và giảm, NT tỉ trọng thấp hơn và tăng  \* Giải thích:  - Tổng sản lượng tăng do có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển, nhu cầu thị trường lớn, vai trò quan trọng.  - Khai thác lớn hơn nhưng giảm do: phạm vi rộng lớn, tàu thuyền phát triển, suy giảm nguồn lợi, thiên tai,…  - Nuôi trồng thấp hơn nhưng tăng do: phạm vi hẹp hơn và ngày càng mở rộng, có nhiều ưu điểm,,... | 0,5  0,25  0,25  0,5  0,25  0,25 |